

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/KDTM-ST
Ngày 22 tháng 6 năm 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Kim;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quân;

2. Bà Võ Thị Lãnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2021 về “V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 388/2022/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần A;

Địa chỉ trụ sở chính: C3-02.OT02, Central 3, VCP, 720A Đường ĐBP, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Văn H, sinh năm 1951, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 23/11/2021 của Công ty cổ phần A);

Địa chỉ: 212/327/9 Đường NVN, phường TĐ, Quận Y Thành phố Hồ Chí Minh. (có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B;

Địa chỉ trụ sở chính: 252/16 Đường HT17, Khu phố Z, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 252/16 Đường HT17, Khu phố Z, phường HT, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản thì với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Văn H trình bày:

Công ty cổ phần A (sau đây viết tắt là Công ty A) kinh doanh ngành nghề mua bán sản phẩm sơn Nippon.

Ngày 16/5/2016 giữa Công ty A với Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B (sau đây viết tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số:/2016HĐMB. Theo nội dung Hợp đồng:

Công ty B đồng ý mua sản phẩm sơn Nippon do Công ty A phân phối và cung cấp theo đơn đặt hàng

Điều khoản thanh toán: Thanh toán theo từng đơn đặt hàng

Ngoài ra, trong Hợp đồng còn quy định điều, khoản khác.

Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Công ty A đã báo giá phân phối đến Công ty B và Công ty B đã nhận hàng. Tuy nhiên, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù, Công ty A nhiều lần nhắc nhở.

Do đó, ngày 10/8/2016 giữa Công ty A với Công ty B lập Bảng đối chiếu công nợ, thể hiện Công ty B còn nợ Công ty A số tiền hàng chưa thanh toán 210.865.000 (hai trăm mười triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Sau ngày lập Bảng đối chiếu công nợ, thì Công ty B đã thanh toán cho Công ty A số tiền 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng. Cụ thể:

Ngày 19/8/2016 thanh toán 50.000.000 đồng;

Ngày 25/8/2020 thanh toán 15.000.000 đồng;

Ngày 25/9/2020 thanh toán 15.000.000 đồng;

Ngày 09/11/2020 thanh toán 5.000.000 đồng.

Sau đó, Công ty B không thanh toán tiếp cho Công ty A. Mặc dù, Công ty A nhiều lần nhắc nhở, nhưng phía Công ty B không có thiện chí, nên buộc lòng Công ty A khởi kiện Công ty B tại Tòa án:

1/ Yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền mua hàng còn nợ 210.865.000 đồng – 85.000.000 đồng = 125.865.000 (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

2/ Công ty A rút lại yêu cầu: Không yêu cầu Công ty B thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/11/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bị đơn vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 30/5/2022 bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến yêu cầu đã trình bày trong quá trình tố tụng.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thanh toán tiền mua hàng. Đây là quan hệ pháp luật “V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị

đơn – Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 30, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào giấy tờ, tài liệu do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Xét Hợp đồng mua bán hàng hóa số: .../2016HĐMB ngày 16/5/2016;

Xét Bảng đối chiếu công nợ ngày 10/8/2016;

Hợp đồng mua bán hàng hóa số: .../2016HĐMB ngày 16/5/2016 được hai bên ký kết thể hiện sự tự nguyện của các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết. Nguyên đơn giao hàng hóa theo đúng các điều khoản của Hợp đồng. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 10/8/2016 bị đơn còn nợ nguyên đơn 210.865.000 (hai trăm mười triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng. Bị đơn thanh toán một phần tiền hàng 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng. Trong quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt từ bỏ quyền tranh tụng.

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 91 và các Điều 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 thì: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận”. Như vậy, có cơ sở khẳng định bị đơn còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn 125.865.000 (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn rút yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 10/11/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử đối với bị đơn và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

[3] Về án phí:

Theo Điều 47 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại có giá ngạch $5\% \times 125.865.000 \text{ đồng} = 6.293.250$ (sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn hai

trăm năm mươi) đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 3.579.286 (ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022402 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 36, 39, 91, 92, 93, 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, 24, 50, 55, 306, 317, 319 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần A 125.865.000 (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 10/11/2020 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

2. Về án phí:

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại dịch vụ B phải chịu án phí sơ thẩm 6.293.250 (sáu triệu hai trăm chín mươi ba nghìn hai trăm năm mươi) đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần A tiền tạm ứng án phí 3.579.286 (ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0022402 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Kim